VISION

Vision & Associates

LUẬT SƯ. ĐẠI DIỆN SỞ HỮU TRÍ TUỆ. TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH

Bản tin pháp lý

Tháng 04/2014

Nội dung

Luật thương mại **2**
Các lĩnh vực khác: **6**
Tài chính 6
Ngân hàng 6
Thuế 7
Thương mại 7
Y tế 8
Giáo dục 8
Giao thông vận tải 9
Tài nguyên - Môi trường 10
Khoa học công nghệ 10
Hành chính - Tư pháp 11
Nông - Lâm - Ngư nghiệp 12
Văn bản khác 13
Địa chỉ liên hệ **14**

Bản tin pháp lý này được phát hành cho khách hàng của chúng tôi và những người quan tâm. Các thông tin trong Bản tin này chỉ để tham khảo. Chúng tôi đề nghị Quý khách hàng và độc giả nên tham khảo ý kiến chuyên môn đối với các vấn đề cụ thể. Xin hãy liên hệ trực tiếp tới các văn phòng của chúng tôi hoặc những người có tên tại cuối Bản tin này.

Bản tin pháp lý này có trên trang Web của chúng tôi tại **www.vision-associates.com**

© 2014. Bản quyền của Công ty Vision & Associates.

Luật thương mại

Doanh nghiệp đối mặt với rủi ro pháp lý về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo chiều dọc

Nguyễn Vũ Thắng

Thời gian gần đây, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo chiều dọc ("**TTHCCTTCD**") được nhắc đến ngày càng nhiều hơn tại châu Á, bởi số lượng các vụ việc về vấn đề này ngày một gia tăng. Nhìn qua, các công ty tham gia TTHCCTTCD sẽ có thể phải đối mặt với không chỉ các mức phạt lớn, mà còn những tổn thất nặng nề về danh tiếng do các quá trình điều tra và giải quyết tranh chấp với khách hàng, đối thủ cạnh tranh và người tiêu dùng diễn ra sau đó. Nhằm tránh được các rủi ro kể trên liên quan tới TTHCCTTCD, các công ty đa quốc gia đầu tư tại châu Á cần tiến hành rà soát pháp luật cạnh tranh của các quốc gia châu Á, trong đó có luật pháp Việt Nam, và tìm hiểu cách mà chúng điều chỉnh TTHCCTTCD để đảm bảo rằng hoạt động kinh doanh của họ phù hợp với các hệ thống pháp luật này.

Vậy TTHCCTTCD là gì?

Mặc dù cách định nghĩa cũng như thuật ngữ về TTHCCTTCD được quy định khác nhau theo từng hệ thống pháp luật, TTHCCTTCD về cơ bản có thể được hiểu là những thỏa thuận hạn chế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp mà từng doanh nghiệp trong số đó hoạt động tại một cấp độ của chuỗi cung ứng (ví dụ, một thỏa thuận giữa một nhà sản xuất và một nhà cung cấp hoặc một nhà phân phối). TTHCCTTCD được phân biệt với các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo chiều ngang (TTHCCTTCN), là những thỏa thuận hạn chế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thuộc cùng một cấp độ của một chuỗi cung ứng (thỏa thuận giữa các đối thủ cạnh tranh tiềm năng hoặc trên thực tế). TTHCCTTCD được công nhận rộng rãi là ít nguy hại hơn so với TTHCCTTCN bởi TTHCCTTCD có thể có các tác động tích cực đáng kể cho cạnh tranh (ví dụ, thúc đẩy cạnh tranh không bằng giá và nâng cao chất lượng dịch vụ). Thông thường, TTHCCTTCD chỉ bị cấm khi các tác động phản cạnh tranh của chúng vượt quá các tác động tích cực cho cạnh tranh.

Việc phân loại TTHCCTTCD khác nhau theo từng hệ thống pháp luật. Một số loại TTHCCTTCD tiêu biểu nhất được ghi nhận trong Hướng dẫn về TTHCCTTCD của Ủy ban châu Âu (2010) bao gồm thỏa thuận hạn chế giá bán lại, thỏa thuận bán kèm, thỏa thuận nhượng quyền thương mại, thỏa thuận phân phối độc quyền, thỏa thuận độc quyền phân chia khách hàng, thỏa thuận phân phối có chọn lọc, thỏa thuận thanh toán tiếp cận trả trước, và thỏa thuận quản lý theo loại sản phẩm.

TTHCCTTCD theo pháp luật hiện hành của Việt Nam

Ngoại trừ thỏa thuận nhượng quyền thương mại, mà đã được pháp luật Việt Nam công nhận là một hoạt động thương mại hợp pháp và hiện đang chịu sự điều chỉnh của Luật Thương mại (2005) và các văn bản hướng dẫn, TTHCCTTCD vẫn chưa được pháp luật Việt Nam định nghĩa. Tuy nhiên, một số loại TTHCCTTCD vẫn rơi vào sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Luật Cạnh tranh năm 2004 ("**Luật Cạnh tranh"**) quy định 8 nhóm thỏa thuận được coi là "thỏa thuận hạn chế cạnh tranh", mà không phân biệt đó là theo chiều dọc hay chiều ngang[1]. Trong số 8 loại "thỏa thuận hạn chế cạnh tranh" nói trên, Điều 9.2 của Luật Cạnh tranh quy định rằng các thỏa thuận thuộc các Nhóm 1, 2, 3, 4 và 5 bị cấm chỉ trong trường hợp các bên tham gia thỏa thuận có "thị phần kết hợp" 30% trở lên trên thị trường liên quan. Tuy nhiên, vì mỗi bên trong một TTHCCTTCD hoạt động tại một cấp độ khác nhau của chuỗi cung ứng [như theo định nghĩa ở trên], thị phần của họ là không thể kết hợp. Vì vậy, nhiều người tin rằng TTHCCTTCD không thể bị cấm bởi Điều 9.2 của Luật Cạnh tranh, bất kể rằng TTHCCTTCD có thể được xếp vào thỏa thuận thuộc các Nhóm từ 1 đến 5 theo Điều 8 của Luật Cạnh tranh.

Bên cạnh đó, các thỏa thuận thuộc Nhóm 8 dường như được lập ra để điều chỉnh duy nhất hoạt động "thông thầu", một loại TTHCCTTCN rất tiểu biểu, do vậy quy định về thỏa thuận Nhóm 8 không thể được diễn giải để điều chỉnh bất cứ một loại TTHCCTTCD tiêu biểu nào.

Sử dụng phương pháp loại trừ này, các nhóm "thỏa thuận hạn chế cạnh tranh" còn lại duy nhất mà có thể giải thích theo hướng bao gồm cả các TTHCCTTCD là thỏa thuận thuộc các Nhóm 6 và 7. Đây là hai nhóm thỏa thuận mà theo Điều 9.2 của Luật Cạnh tranh là bị cấm mặc nhiên (cấm chỉ bởi sự tồn tại của chúng). Tuy nhiên, việc diễn giải các điều luật theo hướng này dẫn tới một rủi ro.

Theo Điều 29 của Nghị định số 116/2005/ND-CP ngày 15/09/2005 quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh ("**Nghị định 116"**), các thỏa thuận của Nhóm 6 bao gồm hành vi "thống nhất không giao dịch với doanh nghiệp không tham gia thỏa thuận", bên cạnh các hành vi khác. Việc cấm mặc nhiên hành vi này, nếu diễn giải theo hướng áp dụng cho các doanh nghiệp theo quan hệ chiều dọc, sẽ là vô cùng nguy hiểm bởi điều đó đồng nghĩa với việc cấm một số loại TTHCCTTCD đang được sử dụng

[1] Điều 8 của Luật Cạnh tranh quy định tám nhóm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh sau:

1. Thỏa thuận ấn định giá hàng hoá, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp;
2. Thỏa thuận phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hoá, cung ứng dịch vụ;
3. Thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất mua, bán hàng hoá, dịch vụ;
4. Thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư;
5. Thỏa thuận áp đặt cho doanh nghiệp khác điều kiện ký kết hợp đồng, mua bán hàng hoá, dịch vụ hoặc buộc doanh nghiệp khác chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng;
6. Thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm, không cho doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh;
7. Thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường những doanh nghiệp không phải là các bên của thoả thuận;
8. Thông đồng để một hoặc các bên của thoả thuận thắng thầu trong việc cung cấp hàng hoá, cung ứng dịch vụ.

rộng rãi ở Việt Nam mà không xét đến những tác động tích cực cho cạnh tranh của những thỏa thuận đó. Các loại TTHCCTTCD có thể bị cấm theo Điều 29 của Nghị định 116 bao gồm thỏa thuận duy trì một nhãn hiệu (theo đó nhà phân phối buộc phải tập trung đặt mua một loại hàng hóa cụ thể từ một nhà cung cấp nhất định và do vậy không được giao dịch với các nhà cung cấp khác cho cùng một loại hàng hóa đó), thỏa thuận phân phối độc quyền (theo đó một nhà cung cấp đồng ý bán các sản phẩm của mình cho một nhà phân phối duy nhất để bán lại trong một khu vực cụ thể) và thỏa thuận cung cấp độc quyền (theo đó một nhà cung cấp có nghĩa vụ phải bán các sản phẩm theo hợp đồng duy nhất hoặc chủ yếu cho một bên mua) (các loại thỏa thuận này dưới đây được gọi chung là "**các giao dịch độc quyền**").

Tương tự, kết hợp với Điều 9.1 của Luật Cạnh tranh và Điều 20 của Nghị định 116, các thỏa thuận theo Nhóm 7, nếu được diễn giải để áp dụng cho các TTHCCTTCD thì cũng sẽ cấm các doanh nghiệp tham gia vào các giao dịch độc quyền và cùng lúc thực hiện một trong một vài hành vi khác như Yêu cầu, kêu gọi, dụ dỗ khách hàng của mình không mua, bán hàng hoá, không sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp không tham gia thỏa thuận mua, hoặc bán hàng hóa, dịch vụ với mức giá đủ để doanh nghiệp không tham gia thỏa thuận phải rút lui khỏi thị trường liên quan, trong số các hành vi khác.

Vì việc áp dụng các điều khoản về "thỏa thuận hạn chế cạnh tranh" của pháp luật Việt Nam vào các thỏa thuận theo chiều dọc dường như rất gượng ép, nhiều khả năng là các cơ quan Nhà nước sẽ không dựa vào những điều khoản này để điều chỉnh TTHCCTTCD. Thay vào đó, các cơ quan Nhà nước có thể sử dụng các điều khoản về cấm lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường như một công cụ thay thế để điều chỉnh TTHCCTTCD, dù rằng theo thông lệ pháp luật quốc tế về cạnh tranh, các quy định về TTHCCTTCD thường được đặt ra để điều chỉnh các hành vi của doanh nghiệp có thị phần chưa đến mức được coi là thống lĩnh thị trường.

Theo các điều khoản về lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường của Luật Cạnh tranh, một số TTHCCTTCD có thể cấu thành hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường nếu một bên tham gia thỏa thuận có vị trí thống lĩnh (có thị phần từ 30% trở lên trên thị trường liên quan hoặc có khả năng gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể). Hai trong số loại TTHCCTTCD tiêu biểu được nêu trên sẽ bị cấm theo các điều khoản về lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường bao gồm thỏa thuận hạn chế giá bán lại – theo đó một nhà sản xuất và một nhà phân phối thỏa thuận rằng nhà phân phối sẽ bán sản phẩm của nhà sản xuất không thấp hơn một mức giá nào đó (Điều 13.2 của Luật Cạnh tranh được hướng dẫn chi tiết bởi Điều 27.3 của Nghị định 116), và thỏa thuận bán kèm – theo đó người tiêu dùng khi mua một sản phẩm cũng bị buộc phải mua một sản phẩm riêng biệt khác từ cùng một nhà cung cấp hoặc từ một bên khác do nhà cung cấp chỉ định (Điều 30.2 của Nghị định 116). Bên cạnh đó, hạn chế lãnh thổ – theo đó nhà cung cấp áp đặt các điều kiện đối với địa bàn nơi nhà phân phối bán lại hàng hóa, và hạn chế khách hàng – theo đó nhà cung cấp áp đặt các điều kiện đối với đối tượng khách hàng của nhà phân phối, buộc nhà phân phối phải bán lại hoặc không được phép bán lại sản phẩm cho các đối tượng nhất định, đây cũng là hai dạng TTHCCTTCD phổ biến theo

thông lệ quốc tế và có thể cấu thành hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và bị cấm tương ứng theo Điều 30.1.(b) và 30.1.(c) của Nghị định 116.

Rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp liên quan tới TTHCCTTCD

Từ phân tích trên, có ít nhất hai rủi ro cho các doanh nghiệp tham gia vào TTHCCTTCD tại Việt Nam. Thứ nhất, như đã đề cập, sự không rõ ràng của các Điều 8.6 và 8.7 của Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn của chúng có thể dẫn đến việc liệu mọi giao dịch độc quyền đều bị cấm mặc nhiên ở Việt Nam hay không là không chắc chắn. Dù khả năng các cơ quan Nhà nước áp dụng các quy định theo hướng này là không cao, nhưng rủi ro vẫn tồn tại. Thứ hai, bởi vì TTHCCTTCD cũng có các tác động tích cực cho cạnh tranh, nên theo thông lệ quốc tế về pháp luật cạnh tranh, các TTHCCTTCD có thể được miễn trừ khỏi việc bị cấm nếu các bên tham gia thỏa thuận có thể chứng minh rằng những tác động tích cực của TTHCCTTCD vượt lên trên so với các tác động phản cạnh tranh. Tuy nhiên, điều này không thể xảy ra ở Việt Nam. Dù Điều 10.1 của Luật Cạnh tranh quy định một số tiêu chí để một "thỏa thuận hạn chế cạnh tranh" bị cấm bởi Điều 9.2 có thể được miễn trừ trong một thời hạn nhất định (ví dụ, thỏa thuận được miễn trừ khi đáp ứng tiêu chí tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa), các điều kiện miễn trừ này lại không được áp dụng cho các TTHCCTTCD bởi việc cấm các TTHCCTTCD nằm ở Điều 9.1 của Luật Cạnh tranh và các điều khoản về lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường được quy định bởi Luật Cạnh tranh./.

Các lĩnh vực khác:

Tài chính

- Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/04/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;
- Quyết định số 739/QĐ-BTC ngày 11/04/2014 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số đề án và cơ chế chính sách thực hiện Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 937/QĐ-BTC ngày 25/04/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 54/2014/TT-BTC ngày 24/04/2014 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;
- Thông tư số 48/2014/TT-BTC ngày 22/04/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện việc gia hạn nộp tiền sử dụng đất, tiền mua nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014;
- Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08/04/2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Ngân hàng

- Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;
- Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương;
- Thông tư số 47/2014/TT-BTC ngày 22/04/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn ngân hàng thương mại;
- Thông tư số 12/2014/TT-NHNN ngày 31/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam quy định về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

Thuế

- Quyết định số 1114/QĐ-TCHQ ngày 10/04/2014 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu rủi ro về trị giá, Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về trị giá và mức giá tham chiếu kèm theo;
- Quyết định số 1101/QĐ-TCHQ ngày 08/04/2014 của Tổng cục Hải quan về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Quyết định số 1105/QĐ-TCHQ ngày 01/06/2010 của Tổng cục Hải quan về ban hành mẫu biên lai thu tiền;
- Quyết định số 1100/QĐ-TCHQ ngày 08/04/2014 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy trình gia hạn nộp tiền thuế, tiềm chậm nộp, tiền phạt đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Thông tư số 40/2014/TT-BTC ngày 01/04/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia.

Thương mại

- Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 22/04/2014 của Chính phủ về việc phê duyệt Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế và thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước Đa dân tộc Bô-li-vi-a;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 22/04/2014 của Chính phủ về việc phê duyệt Hiệp định khung về Thương mại và Đầu tư giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Đông U-ru-goay;
- Quyết định số 1253/QĐ-TCHQ ngày 25/04/2014 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy chế tạm thời tiếp nhận, xử lý thông tin hỗ trợ người sử dụng (help desk) các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin tập trung ngành Hải quan;
- Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;
- Quyết định số 1086/QĐ-TCHQ ngày 04/04/2014 của Tổng cục Hải quan về quy trình kiểm tra nội bộ ngành Hải quan.

Y tế

- Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 16/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;
- Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 14/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Quyết định số 1129/QĐ-BYT ngày 02/04/2014 của Bộ Y tế về việc đính chính Thông tư số 37/2013/TT-BYT ngày 11/11/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn lập Hồ sơ mời thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế;
- Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/04/2014 của Bộ Y tế quy định việc chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm.

Giáo dục

- Thông tư số 13/2014/TT-BGDĐT ngày 28/04/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2011/TT-BGDĐT ngày 11/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp;
- Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề;
- Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Điều 23 và Điều 24 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;
- Thông tư số 10/2014/TT-BGDĐT ngày 11/04/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài.

Giao thông vận tải

- Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/04/2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;
- Nghị định số 30/2014/NĐ-CP ngày 14/04/2014 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển;
- Quyết định số 1617/QĐ-BGTVT ngày 29/04/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Quy định kỹ thuật về phương pháp thử độ sâu vệt hằn bánh xe của bê tông nhựa xác định bằng thiết bị Wheel tracking;
- Quyết định số 1594/QĐ-BGTVT ngày 29/04/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống các trạm dừng, nghỉ dọc theo tuyến chính dự án đường Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 561/QĐ-TTg ngày 18/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội;
- Quyết định số 966/QĐ-BGTVT ngày 31/03/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt Quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Thông tư số 10/2014/TT-BGTVT ngày 23/04/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/06/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 08/2014/TT-BGTVT ngày 15/04/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về kết nối tín hiệu đèn giao thông đường bộ với tín hiệu đèn báo hiệu trên đường bộ tại đường ngang, cung cấp thông tin hỗ trợ cảnh giới tại các điểm giao cắt giữa đường bộ và đường sắt;
- Thông tư số 06/2014/TT-BGTVT ngày 07/04/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật hệ thống đường ống biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật kho chứa nổi;
- Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/04/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe;

- Thông tư số 05/2014/TT-BGTVT ngày 31/03/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt.

Tài nguyên - Môi trường

- Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/04/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/04/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 25/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thông tư số 52/2014/TT-BTC ngày 24/04/2014 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Thông tư số 19/2014/TT-BTNMT ngày 23/04/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về tiêu chuẩn và thẻ công chức thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 18/2014/TT-BTNMT ngày 22/04/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt lục địa, đất, nước dưới đất, nước mưa axit, nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ;
- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/04/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Khoa học công nghệ

- Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 của Chính phủ quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao;
- Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 14/04/2014 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2020,

tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 01/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thay thế lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 2757/QĐ-BCT ngày 31/03/2014 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/04/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";
- Thông tư số 04/2014/TT-BKHCN ngày 08/04/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn đánh giá trình độ công nghệ sản xuất;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/03/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

Hành chính - Tư pháp

- Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;
- Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ về việc quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 22/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí, điều kiện, thủ tục công nhận xã đảo;
- Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 08/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về viêc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Hành chính tư pháp mới ban hành; sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban Nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thông tư số 13/2014/TT-BTP ngày 29/04/2014 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn việc thực hiện pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật;
- Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/04/2014 của Thanh tra Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/08/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Thông tư số 50/2014/TT-BTC ngày 24/04/2014 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự;
- Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/04/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra;
- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/04/2014 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 11/2014/TT-BTP ngày 17/04/2014 của Bộ Tư pháp quy định về bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý;
- Thông tư số 10/2014/TT-BTP ngày 07/04/2014 của Bộ Tư pháp về việc quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư.

Nông - Lâm - Ngư nghiệp

- Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/04/2014 của Chính phủ về việc nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra;
- Quyết định số 580/QĐ-TTg ngày 22/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giống để chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây màu tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 16/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra;
- Quyết định số 674/QĐ-BNN-KHCN ngày 04/04/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt Đề án khung sản phẩm quốc gia "Sản phẩm cá da trơn Việt Nam chất lượng cao và các sản phẩm chế biến từ cá da trơn";
- Quyết định số 639/QĐ-BNN-KH ngày 02/04/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg ngày 18/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển ngành mây tre;
- Thông tư số 14/2014/TT-BNNPTNT ngày 28/04/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành danh mục giống vật nuôi cao sản;
- Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21/04/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa;
- Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18/04/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;
- Thông tư số 12/2014/TT-BNNPTNT ngày 08/04/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc quy định biểu trưng, cờ hiệu, cờ truyền thống, trang phục, mẫu thẻ Kiểm ngư và màu sơn tàu, xuồng Kiểm ngư;
- Thông tư số 11/2014/TT-BNNPTNT ngày 01/04/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/05/2013 về quản lý giống thủy sản.

Văn bản khác

- Nghị định số 27/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động là người giúp việc gia đình;
- Quyết định số 395/QĐ-BXD ngày 23/04/2014 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Địa chỉ liên hệ

Văn phòng tại Hà Nội
Phạm Nghiêm Xuân Bắc
Tổng Giám đốc
Lưu Tiến Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Phạm Minh Hải
Giám đốc Văn phòng Tư vấn
Lê Quỳnh Anh
Giám đốc Công ty Luật
Lê Thị Kim Dung
Giám đốc Văn phòng Sở hữu Trí tuệ

Phòng 308-310, Tầng 3, Tháp Hà Nội
49 Phố Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84-4-3934 0629 / 3826 4797 - Fax: 84-4-3934 0631
E-mail: vision@vision-associates.com

Văn phòng tại TP. HCM
Lưu Tiến Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Vân
Giám đốc Văn phòng tại TP. HCM

Phòng 905, Tầng 9, CitiLight Tower
45 Đường Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 84-8-3823 6495 - Fax: 84-8-3823 6496
E-mail: hcmvision@vision-associates.com

www.vision-associates.com